

JP3110 - Tiếng Nhật chuyên ngành 1

Phiên bản: 2021.1.0

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần:	Tiếng Nhật chuyên ngành 1 (<i>IT Japanese I</i>)
Mã số học phần:	JP3110
Khối lượng:	2(0-4-0-4) <ul style="list-style-type: none">- Lý thuyết: 60 tiết- Bài tập/BTL: 0 tiết- Thí nghiệm: 0 tiết
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần học trước:	Không
Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Để trở thành kỹ sư CNTT có thể làm việc và phát triển ở thị trường Nhật Bản thì những kiến thức về khoa học máy tính cơ bản là không thể thiếu. Mặc dù ở Việt Nam đã có kỳ thi FE để đánh giá năng lực đó, tuy nhiên để trở thành kỹ sư CNTT có thể phát huy hết khả năng và gặt hái thành công ở Nhật thì sinh viên cần phải trang bị khả năng đọc hiểu, lý giải bằng tiếng Nhật. Trong môn học này, sinh viên sẽ được học những kiến thức khoa học máy tính căn bản bằng tiếng Nhật, từ đó hiểu và lý giải được các thuật ngữ chuyên ngành cũng như các chủ đề kỹ thuật bằng tiếng Nhật. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ viết các bài luận hoặc trình bày miệng dựa trên những nội dung đã học, nhằm tới mục tiêu trở thành những kỹ sư có khả năng giao tiếp trực tiếp với người Nhật.

Mục tiêu: Đánh máy tiếng Nhật nhanh và chính xác; hiểu được các thuật ngữ IT và từ katakana cơ bản; học nội dung của khoa học máy tính căn bản bằng tiếng Nhật; sử dụng tiếng Nhật để viết luận về chủ đề kỹ thuật; sử dụng tiếng Nhật để thuyết trình về chủ đề kỹ thuật.

3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

Mục tiêu/CDR	Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần	CDR được phân bổ cho HP/ Mức độ (I/T/U)
[1]	[2]	[3]
M1	Đánh máy tiếng Nhật nhanh và chính xác; hiểu được các thuật ngữ IT và từ katakana cơ bản	1.1.4;2.3.3
M1.1	Đánh máy tiếng Nhật nhanh và chính xác	[1.1.4]
M1.2	Hiểu được các thuật ngữ IT và từ katakana cơ bản	[2.3.3]

M2	Học khoa học máy tính căn bản bằng tiếng Nhật; sử dụng tiếng Nhật để viết luận & thuyết trình về chủ đề kỹ thuật	1.1.4;3.1.5
M2.1	Học khoa học máy tính căn bản bằng tiếng Nhật	[2.3.3]
M2.2	Sử dụng tiếng Nhật để viết luận và thuyết trình về chủ đề kỹ thuật	[3.1.5]

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Giáo trình

- [1] Slide do giáo viên tự biên soạn
- [2]

Sách tham khảo

1. 平成29年度 イメージ&クレバー方式でよくわかる栢木先生の基本情報技術者教室 (情報処理技術者試験)
2. しごとの日本語 IT編
3. 日立ソリューションズ IT用語事典 (<http://it-words.jp/>)
4. かんたん合格 基本情報技術者教科書 平成29年度 (2017年度)

5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá cụ thể	Mô tả	CĐR được đánh giá	Tỷ trọng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
A1. Điểm quá trình (*)	Đánh giá quá trình			70%
	A1.1. Các bài kiểm tra nhỏ (minitest), báo cáo,	Kiểm tra trên giấy, viết báo cáo	M1.1; M1.2; M2.1; M2.2;	40%
	A1.2. Thi giữa kỳ	Thi viết	M1.1; M1.2; M2.1; M2.2;	30%
A2. Điểm cuối kỳ	A2.1. Thi cuối kỳ	Thi viết	M1.1; M1.2; M2.1; M2.2;	30%

* Điểm quá trình sẽ được điều chỉnh bằng cách cộng thêm điểm chuyên cần. Điểm chuyên cần có giá trị từ -2 đến +1, theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]

1	1.Orientation: •Giải thích về môn học •Giải thích các quy định trong giờ học •Đăng ký địa chỉ email 2. Giới thiệu về Chatwork		Giới thiệu môn học, phổ biến nội quy,..	Không
2	Phần cứng (1): 1. Phần cứng 2. CPU 3. Thiết bị lưu trữ	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	Minitest
3	Phần cứng (2): 1. Thiết bị đầu vào 2. Màn hình hiển thị 3. Giao diện	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài;	Minitest
4	Phần mềm (1): 1. Phân loại phần mềm 2. Các phần mềm cơ bản 3. Kiểu dữ liệu và định dạng dữ liệu	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài;	Minitest
5	Thuyết trình	M2.2	Thuyết trình	Thuyết trình
6	Cấu trúc dữ liệu: 1. Flow chart 2. Mảng (phần tử, index) 3. Queue và Stack 4. Cấu trúc danh sách	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài;	Minitest
7	Thuật toán (1) (thuật toán tìm kiếm): 1. Tìm kiếm tuần tự 2. Tìm kiếm nhị phân 3. Tìm kiếm hàm băm	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài;	Minitest
8	Thuật toán (2) (thuật toán sắp xếp): 1. Phương pháp hoán đổi 2. Phương pháp chọn 3. Phương pháp chèn 4. Shell sort 5. Quick sort	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	Minitest
9	Thuyết trình (2)	M2.2	Thuyết trình	Thuyết trình
10	Lập trình: 1. Các ngôn ngữ lập trình 2. Assembler, Compiler, Generator 3. Viết chương trình (lập trình) 4. Các từ vựng liên quan đến ngôn ngữ lập trình	M1.1; M1.2; M2.1;	Đọc trước tài liệu; Giảng bài;	Minitest
11	GUI: 1. Các thành phần (component) của 1 website 2. Action trên PC	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	Minitest

	3. Action trên Smartphone 4. Các loại website			
12	Thuyết trình (3)	M2.2	Thuyết trình	Thuyết trình
13	Phát triển hệ thống: 1. Mô hình Waterfall (định nghĩa yêu cầu, thiết kế hệ thống, lập trình, test) 2. Mô hình xoắn ốc (spiral model) 3. Mô hình tạo bản mẫu (prototype model)	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	Minitest
14	Thiết kế hệ thống 1. Hệ thống Client-Server 2. Hệ thống kiểu phân tán 3. Cloud	M1.1; M1.2; M2.1	Đọc trước tài liệu; Giảng bài	Minitest
15	Thuyết trình (4)	M2.2	Thuyết trình	Thuyết trình
16	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ	M3	Ôn tập	Không

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(Các quy định của học phần nếu có)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Chủ tịch Hội đồng	Nhóm xây dựng đề cương
--------------------------	-------------------------------

9. QUÁ TRÌNH CẬP NHẬT

Lần cập nhật	Nội dung điều chỉnh	Ngày tháng được phê duyệt	Áp dụng từ kỳ/khóa	Ghi chú
1			
2			